Phụ lục I: Bảng quy định lộ giới, khoảng l ùi và tầng cao của các tuyến đường chính trong đô thị

(Ban hành kèm theo Quyết định số : /QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của UBND huyện Bến Cầu)

Stt	Tên đường	chiều dài (m)	lộ giới (m)	khoảng lùi	cốt nền xây dựng	mật độ xây dựng tối đa	độ vươn ban công	chiều cao tầng1 (m)	tổng chiều cao (m)	ghi chú
1	Nguyễn Trung Trực	939	34	34	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	Nhựa
2	Nguyễn Trung Trực	2,500	34	34	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	#
3	Nguyễn Văn Độ	2,099	34	34	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	#
4	Đặng Văn Son	1,052	34	34	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	#
5	Đường bao nhánh phải	2,058	22	22	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	#
6	Đường bao nhánh trái	3,336	22	22	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	đường sỏi đỏ
7	Đường quy hoạch lộ giới >=20m		22	22	+0,45	80%	1,4	4,1	21,3	
8	đường quy hoạch lộ giới <20m		22	22	+0,60	80%	1,2	4,0	21,3	
9	Đường quy hoạch lộ giới >=16m		22	22	+0,60	80%	1,2	4,0	21,3	
10	Đường quy hoạch lộ giới <16m		22	22	+0,60	80%	1,2	4,0	16	
11	Đường hẻm lộ gới >=6m		8	8	+0,60	80%	0,9	3,9	16	
12	Đường hẻm lộ gới < 6m		6	6	+0,60	80%	0,6	3,9	12	